

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 4 - 2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Trần Văn Vinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Trần Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh P; Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh P; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Đ trình bày:

Chị có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Tiến T ngày 24/9/2012 tại UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại xã P, thị xã Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nết của nhau, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến Thành.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là: Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 07/6/2014; Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/4/2016; Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/12/2018.

Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Gia H, để cho anh T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trần Gia B và Nguyễn Tiến Đ.

Lý do chị xin nuôi con chung là Nguyễn Gia H vì cháu H còn nhỏ, là con gái nên ở với chị sẽ thuận tiện cho việc chăm sóc cháu lâu dài sau này. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con.

Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và chị cũng sẽ có trách nhiệm với các con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị xin chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến T trình bày:

Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị Đ trình bày. Vợ chồng anh chung sống hoà thuận được đến tháng 9 năm 2023 thì vợ anh đòi ly hôn. Anh xem được tin nhắn của chị Đ với người khác. Hai bên không nhìn mặt nhau, không nói chuyện được với nhau nhưng anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, anh không muốn chia rẽ các con và để các con có đầy đủ tình cảm của cha và mẹ nhưng vợ anh cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh, anh đã thuyết phục nhiều lần nhưng không được nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng có 03 con chung như chị Đ trình bày. Khi ly hôn anh muốn nuôi cả 03 con chung để chị Đ đi theo hạnh phúc riêng của chị Đ. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mà do chị Đ tự có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã P và Hội phụ nữ xã P:

Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Tiến T đăng ký kết hôn ngày 24/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh T sinh sống tại khu 10, xã P, thị xã Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng chị Đ xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo cáo, chính quyền địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn của chị Đ và anh T. Nay chị Đ xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Về con chung, chị Đ và anh T có 03 con chung. Chị Đ xin được nuôi cháu H, để cho anh T nuôi cháu B và cháu Đ, anh T xin nuôi cả 03 con chung.

Do hiện nay anh T và chị Đ đều có việc làm và thu nhập ổn định, nên đề nghị Tòa án giao nuôi con theo nguyện vọng của chị Đ.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Tiến T. Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/12/2018. Anh Nguyễn Tiến T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 07/6/2014 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/4/2016.

Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Tiến T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đ và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T được xác lập và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài thì không có lợi cho cả hai bên. Chị Đ cương quyết xin ly hôn vì tình cảm không còn. Anh T đã thuyết phục chị Đ nhưng không được và không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ nên anh T đồng ý ly hôn, vì vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh T.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh T đều thống nhất vợ chồng có 03 con chung. Thông qua xác minh tại chính quyền địa phương và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Xác định chị Đ và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, đều có điều kiện để nuôi con chung. Không bên nào bị hạn chế quyền của

cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Chị Đ xin nuôi cháu H và để cho anh T nuôi cháu B và cháu Đ là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con chung từ 07 tuổi trở lên.

Vì vậy giao cho chị Đ trực tiếp nuôi cháu H và giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu B và cháu Đ. Chị Đ và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên hai bên đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Nếu có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ xem xét, giải quyết trong vụ, việc khác.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Tiến T.

Xử giao cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/12/2018. Anh Nguyễn Tiến T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 07/6/2014 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/4/2016.

Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Tiến T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đ và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Đ tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0005461** ngày **26/10/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nội dung:

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ;
- UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP, KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Chi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Chi

